

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Phúc Chính, Trần Việt Cường*
Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Ngành giáo dục đang triển khai các hoạt động để thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới từ sau 2020; đồng thời cách mạng công nghiệp 4.0 ảnh hưởng rõ rệt đến giáo dục. Vì vậy, phát triển chương trình đào tạo giáo viên trong bối cảnh hiện nay thực sự cần thiết. Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã và đang nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo giáo viên theo hướng đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông trong cách mạng 4.0 và gắn liền với giáo dục phổ thông ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Trong nội dung bài viết này, chúng tôi tập trung đề cập tới hoạt động phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông trong bối cảnh hiện nay của nhà trường.

Từ khóa: *Phát triển chương trình; đào tạo giáo viên; khu vực trung du và miền núi phía Bắc; cách mạng 4.0; Trường Đại học Sư phạm.*

Ngày nhận bài: 14/4/2019; Ngày hoàn thiện: 15/5/2019; Ngày duyệt đăng: 30/5/2019

HIGH SCHOOL CURRICULUM DEVELOPMENT IN THE CURRENT CONTEXT

Nguyen Phuc Chinh, Tran Viet Cuong*
TNU - University of Education

ABSTRACT

The education sector is implementing activities to develop new programs and textbooks after 2020; At the same time, the industrial revolution 4.0 has clearly affected education. Therefore, developing a teacher training program in the current context is really necessary. Thai Nguyen University of Education has been studying and developing a teacher training program in the direction of meeting the reform of general education in the 4.0 revolution and associated with general education in the midland region and the northern mountainous region. In this article, the author focused on the development of the general teacher training program in the current context of the school.

Keywords: *Curriculum development; teacher training; Northern midland and mountainous areas; revolutionary 4.0; Thai Nguyen University of Education*

Received: 14/4/2019; Revised: 15/5/2019; Approved: 30/5/2019

* Corresponding author. Email: tranvietcuong@dhsptn.edu.vn

1. Mở đầu

Hiện nay, ngành giáo dục đang gấp rút thực hiện các hoạt động để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Nhiệm vụ đặt ra đối với các cơ sở đào tạo giáo viên (GV) là cần phải đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT) đáp ứng nhu cầu của giáo dục phổ thông. Từ năm 2010 đến nay, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã quyết liệt triển khai nhiệm vụ phát triển CTĐT và đã đạt được những kết quả nhất định. Trường đang tiếp tục nghiên cứu tìm tòi các biện pháp phát triển CTĐT. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi muốn trình bày một số vấn đề nghiên cứu về phát triển CTĐT GV đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông.

Sau khi đề cập tới những định hướng phát triển chương trình đào tạo GV, nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo và phát triển chương trình đào tạo GV theo định hướng đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông và cách mạng 4.0, chúng tôi trình bày một số đề xuất, kiến nghị.

2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục như: Phương pháp nghiên cứu lí luận, phương pháp tổng kết kinh nghiệm để tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu cũng như thực tiễn phát triển CTĐT.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Định hướng phát triển chương trình đào tạo giáo viên

3.1.1. Phát triển chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều điểm mới so với chương trình hiện hành. Trong chương trình tổng thể, giáo dục phổ thông chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản một số môn học được thiết kế theo hướng tích hợp liên môn; giai đoạn giáo dục định

hướng nghề nghiệp, ngoài những môn bắt buộc học sinh được lựa chọn những môn học phù hợp với nghề nghiệp sẽ lựa chọn.

Như vậy, khi thực hiện CTGDPT mới yêu cầu GV phổ thông sẽ thay đổi về số lượng, về cơ cấu và về chất lượng đội ngũ. Thực tế đó bắt buộc các cơ sở đào tạo GV phải đổi mới CTĐT, thậm chí phải đổi mới mô hình đào tạo GV.

3.1.2. Phát triển chương trình đào tạo giáo viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

Những bước nhảy vọt của cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra nhiều thách thức và phát sinh thêm rất nhiều ngành nghề mới trên thị trường lao động. Sự thay đổi này đòi hỏi giáo dục phải đem lại cho người học cả tư duy những kiến thức kỹ năng mới, khả năng sáng tạo, thích ứng với thách thức và những yêu cầu mới mà các phương pháp giáo dục truyền thống không thể đáp ứng. Trước bối cảnh trên, đòi hỏi đào tạo GV cũng phải thay đổi theo hướng đào tạo GV khu vực và GV toàn cầu, với tư tưởng dạy trải nghiệm, làm trước, học sau, dạy dựa trên vốn trí thức, vốn kinh nghiệm của người học. GV không chỉ là người tổ chức nhận thức mà còn là huấn luyện viên và là người tổ chức thực hành ảo để phát triển năng lực trải nghiệm, nhằm giúp người học nắm bắt bản chất vấn đề, giải quyết và phát triển tư duy phản biện, thích ứng trong xã hội phát triển.

Do đó, các cơ sở giáo dục đại học cần thực hiện hoạt động đào tạo theo hai hướng: một mặt phải đáp ứng tính định hướng xã hội, mặt khác đào tạo cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Áp lực đối với các cơ sở giáo dục đại học càng lớn khi CTĐT vừa đáp ứng tính chuyên môn cao trong lĩnh vực đạo tạo, vừa đáp ứng tính liên ngành và các kỹ năng khác không thể thiếu, như: khả năng suy nghĩ có hệ thống, khả năng tổng hợp, khả năng liên kết giữa thế giới thực và ảo, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng hợp tác liên ngành... Trong bối cảnh kiến thức về công nghệ thay đổi rất nhanh, việc trang bị cách thức tự học và ý

thức học tập suốt đời càng quan trọng hơn kiến thức của CTĐT. Như vậy, cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo áp lực lớn trong hoạt động đào tạo đối với các trường đại học, từ xây dựng CTĐT, cập nhật nội dung chương trình cho đến đào tạo kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu công nghiệp.

3.1.3. Phát triển chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu giáo dục miền núi

Với sứ mạng, là cơ sở giáo dục đại học đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực giáo dục, phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du, miền núi phía Bắc, CTĐT của Nhà trường thường xuyên được cập nhật, đổi mới tạo điều kiện cho sinh viên (SV), đặc biệt là các SV người dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn có cơ hội hình thành những năng lực cốt lõi, thích ứng với nghề nghiệp. Nhà trường đã bổ sung thêm các học phần về giáo dục đa văn hóa, tâm lý học SV dân tộc thiểu số, dạy học cho học sinh người dân tộc thiểu số, tổ chức hoạt động cho học sinh người dân tộc thiểu số, quản lý trường bán trú, nội trú vào các CTĐT cho SV.

3.2. Nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo giáo viên

- Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và hiệu quả: CTĐT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra và phải đáp ứng yêu cầu về năng lực GV theo chuẩn nghề nghiệp, có sự tham gia, đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

- Nguyên tắc đảm bảo đào tạo GV phù hợp với đổi mới giáo dục phổ thông: CTĐT phải thể hiện được triết lý giáo dục của nhà trường, được xây dựng phù hợp với khung trình độ quốc gia và mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Nguyên tắc đảm bảo tính liên thông và tích hợp: CTĐT có thể tiếp cận theo hướng tích hợp liên môn, một GV có thể đảm nhiệm các

môn học trong cùng lĩnh vực (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nghệ thuật...). Các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau; có cấu trúc, trình tự logic. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng, đảm bảo; CTĐT tích hợp phát triển các kỹ năng, phẩm chất đạo đức qua nội dung từng học phần và nhóm học phần theo trình tự giảng dạy các học phần thể hiện qua bảng đối chiếu chuẩn đầu ra từng học phần, từng khối kiến thức đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với bối cảnh giáo dục hiện nay; xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá (hình thức, phương pháp, thời lượng, thời hạn, kỹ thuật kiểm tra đánh giá) phù hợp với chuẩn đầu ra và đặc thù của từng học phần trong tiến trình đào tạo của toàn khóa học.

- Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa, tính nối tiếp: CTĐT phải có tính kế thừa những thành tựu đã có trong quá trình đào tạo GV của các cơ sở đào tạo, tạo cơ hội đào tạo lại những GV đã được đào tạo theo mô hình cũ.

3.3. Phát triển chương trình đào tạo giáo viên theo định hướng đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông và cách mạng 4.0

3.3.1. Kinh nghiệm đào tạo giáo viên của một số nước trên thế giới

Nghiên cứu mô hình đào tạo GV của một số nước phát triển trên thế giới (Anh, Hoa Kỳ, Phần Lan, Đức, Nhật, Hàn Quốc...) cho thấy đào tạo GV ở những nước này có 5 đặc điểm:

Thứ nhất: Đào tạo GV theo hai mô hình là đào tạo song song và đào tạo nối tiếp. Mô hình đào tạo song song tức là đào tạo sư phạm ngay từ năm thứ nhất, đồng thời đào tạo về khoa học chuyên ngành và khoa học sư phạm. Mô hình nối tiếp tức là 2-3 năm đầu đào tạo kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; 1-2 năm cuối đào tạo về nghiệp vụ sư phạm. Việc học chuyên ngành thường tiến hành ở các trường đại học khác cùng trong một Viện Đại học hoặc ở bên ngoài. Việc học nghiệp vụ sư phạm được tiến hành ở các Viện hoặc trường sư phạm.

Thứ hai: Kết hợp và đa dạng hóa các chương trình đào tạo GV. Để đáp ứng yêu cầu của người học và mục tiêu chuyển đổi nghề nghiệp, ở một số quốc gia đã xuất hiện nhiều cơ sở đào tạo lựa chọn mô hình kết hợp cả đào tạo nối tiếp và đào tạo song song. Đồng thời đa dạng hóa các CTĐT GV theo những nhu cầu, điều kiện, đặc điểm khác nhau của người học. Ví dụ, người đã có bằng cử nhân muốn học thêm bằng/ chứng chỉ giáo dục; người muốn được đào tạo/ trải nghiệm trong thực tiễn nhà trường nhiều hơn dưới sự hướng dẫn của GV phổ thông giỏi, có kinh nghiệm...

Thứ ba: Không phân biệt đào tạo GV THCS và GV THPT. Hầu hết các nước, đối với GV phổ thông, chỉ đào tạo GV tiểu học và GV trung học, không phân biệt GV THCS với GV THPT (gọi chung là GV trung học).

Thứ tư: Thời gian đào tạo GV không cố định. Thời gian đào tạo GV ở các nước cũng khác nhau; nhìn chung đào tạo 4 năm lấy bằng cử nhân; đào tạo 5 năm lấy bằng thạc sĩ. Ở một số quốc gia, CTĐT 4 năm thường dành cho GV tiểu học hoặc GV mầm non. Còn đào tạo GV trung học thường diễn ra trong 5 năm và ở nhiều nơi đào tạo thẳng lên trình độ thạc sĩ.

Việc đào tạo GV ở một số nước có quy trình rất phức tạp, việc tuyển dụng GV rất khắt khe, đòi hỏi người học phải tích lũy nhiều kiến thức và kỹ năng mới có cơ hội để trở thành GV.

Thứ năm: Đào tạo GV theo lĩnh vực giáo dục. Hầu hết các nước đều đào tạo GV để có thể dạy được nhiều hơn một môn học. Quá trình đào tạo luôn yêu cầu SV phải học một chuyên môn chính và một môn phụ gắn gũi với môn chính. Đào tạo kiến thức nền tảng rộng và chuyên sâu vào một lĩnh vực.

3.3.2. Chương trình đào tạo giáo viên của Việt Nam hiện nay

CTĐT GV hiện nay được thiết kế theo đường thẳng, với mô hình đào tạo song song, vừa đào tạo kiến thức khoa học vừa đào tạo nghiệp vụ sư phạm. Mô hình này cũng có những ưu và nhược điểm nhất định.

Từ trước tới nay, CTĐT được thiết kế theo chuyên môn hẹp; đào tạo GV THPT trình độ đại học chỉ dạy 1 môn; GV THCS có trình độ cao đẳng có thể dạy được 2 môn. Thực tế này cho thấy, SV tốt nghiệp bị hạn chế nhiều trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Việc sử dụng nhân lực GV của các địa phương cũng gặp nhiều khó khăn, gây ra hiện tượng thừa hoặc thiếu GV một cách cục bộ.

3.3.3. Các cách tiếp cận để phát triển chương trình đào tạo giáo viên trung học

Những nghiên cứu về GV và đào tạo GV của các nước trên thế giới cho thấy có nhiều cách tiếp cận để phát triển CTĐT:

- Tiếp cận theo mô hình đào tạo: Mô hình nối tiếp; mô hình song song; mô hình kết hợp nối tiếp và song song.

- Tiếp cận theo thời gian đào tạo: Mô hình 3+1, mô hình 3+2, mô hình 4+1, mô hình 4+2.

- Tiếp cận theo trình độ đào tạo: Mô hình đào tạo cử nhân sư phạm; mô hình đào tạo thạc sĩ giáo dục; mô hình đào tạo song bằng (cử nhân và thạc sĩ).

- Tiếp cận theo phương thức đào tạo: Mô hình khoa học ứng dụng; mô hình truyền nghề thủ công; mô hình năng lực thực hiện; mô hình dựa trên nghiên cứu; mô hình định hướng kết quả đầu ra.

- Tiếp cận theo hình thức đào tạo: Mô hình đào tạo truyền thống tại trường đại học; mô hình đào tạo tại trường phổ thông.

- Tiếp cận theo lĩnh vực giáo dục: Hầu hết các nước phát triển trên thế giới, ở giai đoạn giáo dục cơ bản của CTGDPT đều xác định 8 lĩnh vực giáo dục, đó là: 1) Giáo dục thể chất; 2) Ngôn ngữ, văn học và văn hóa; 3) Toán học; 4) Giáo dục nghệ thuật; 5) Khoa học; 6) Xã hội và nhân văn; 7) Ngoại ngữ; 8) Công nghệ. Để đảm bảo cho HS phát triển đồng đều, thời lượng dành cho các lĩnh vực là như nhau (khoảng 4 tiết/ tuần). GV không chỉ làm nhiệm vụ truyền thụ kiến thức mà là người tổ chức để HS tự giác thu nhận kiến thức qua các hoạt động.

Theo mô hình này, việc đào tạo GV theo các lĩnh vực là: 1) Giáo dục thể chất, quốc phòng, an ninh; 2) Giáo dục nghệ thuật; 3) Tiếng Việt, văn học văn hóa xã hội nhân văn (Ngữ văn; Lịch sử; Địa lý; Giáo dục công dân); 4) Toán học; 5) Khoa học và công nghệ; 6) Ngoại ngữ.

Hiện nay, chúng ta đang đào tạo GV THPT theo môn học tương ứng ở trường phổ thông (đào tạo đơn môn). Đào tạo đơn môn có ưu điểm dành nhiều thời gian để đào tạo chuyên sâu về một lĩnh vực. Tuy nhiên, mô hình đó có hạn chế trong khả năng dịch chuyển nghề nghiệp của SV tốt nghiệp.

Trong CTGDPT mới, ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, HS chỉ học 5 môn bắt buộc còn lại là các môn tự chọn. GV một số môn học trong nhóm tự chọn có thể không còn đủ giờ dạy nếu HS không lựa chọn môn học. Vì vậy, cần phải đào tạo GV có thể giảng dạy được một số môn học, giúp cho việc tổ chức đào tạo ở các trường THPT thuận lợi hơn.

GV THCS trình độ cao đẳng đã được đào tạo theo mô hình 2 môn song song hoặc ngành chính – ngành phụ. Để đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông cần chuyển sang đào tạo GV theo lĩnh vực môn học.

Đề xuất mô hình đào tạo GV trung học cơ sở của Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục THCS mới là theo hướng đào tạo GV có khả năng dạy một số môn học cùng lĩnh vực, tránh tình trạng lãng phí về biên chế GV, đáp ứng yêu cầu dạy học tích hợp ở trường THCS. Do đó, cần xây dựng các chương trình cử nhân sư phạm đào tạo GV theo các lĩnh vực là: đào tạo GV dạy các môn khoa học tự nhiên và công nghệ; đào tạo GV dạy các môn khoa học xã hội nhân văn... Các khối kiến thức sẽ được phân thành các modul: kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

Nguyên tắc chung của việc thiết kế một CTĐT là: các môn học được modul hóa thành các học phần để có thể dùng chung cho nhiều chương trình và dễ dàng tổ chức đào tạo theo

học chế tín chỉ; môn học nào khó tự học thì cho nhiều giờ, môn học nào tự học được thì bố trí ít giờ; thiết kế kiến thức rộng, cốt lõi sâu vừa đủ để có tiềm năng tự học, tự phát triển. Các môn học cần có chương trình chi tiết soạn kỹ và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và bài tập để đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao trong dạy và học.

Trong phạm vi của nhiệm vụ khoa học, chúng tôi tập trung nghiên cứu phát triển CTĐT theo hướng đề xuất mô hình đào tạo GV có thể dạy được nhiều môn ở cấp THCS đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, tái cấu trúc trường sư phạm.

3.3.4. Đề xuất mô hình đào tạo giáo viên ở các trường Đại học Sư phạm

Phát triển CTĐT gắn liền với việc đổi mới mô hình đào tạo GV, làm được như vậy thì mới thực sự đổi mới.

a) Mô hình tổng thể

Sự chuyển đổi từ một mô hình đào tạo sang mô hình đào tạo khác, nhất là mô hình có sự khác biệt căn bản về cơ chế vận hành đòi hỏi sự thay đổi của cả hệ thống nhà trường, bao gồm cả điều kiện về pháp lý cũng như các yếu tố về chuyên môn, đội ngũ, cơ sở hạ tầng... Việc này không thể thực hiện trong một thời gian ngắn. Mặt khác, mỗi mô hình đào tạo GV có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Vì vậy, cần có sự vận dụng linh hoạt khi lựa chọn mô hình đào tạo GV để thực hiện CTGDPT mới.

Nghiên cứu của Jordan (2006) và các cộng sự về việc so sánh 3 nhóm GV: (i) Nhóm GV có bằng cử nhân sư phạm (đào tạo song song); (ii) Nhóm GV có bằng cử nhân chuyên ngành khoa học; (iii) Nhóm GV có bằng cử nhân chuyên ngành khoa học cơ bản và bằng đào tạo nghiệp vụ sư phạm (đào tạo tiếp nối), trong một số lĩnh vực hoạt động cơ bản của GV, đã cho thấy: không có sự khác biệt đáng kể nào giữa các nhóm GV được đào tạo theo hai mô hình nối tiếp (thường trong các trường đại học đa ngành) và song song (chủ yếu ở các trường đại học sư phạm).

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã đào tạo GV THCS dạy hai môn. Kết quả cho thấy hiệu quả đào tạo cao đáp ứng yêu cầu thực tế của trường THCS, GV có thể thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn trong một cơ sở giáo dục, khắc phục được sự lãng phí biên chế GV (Toán - Tin; Văn - Sử; Toán - Lý...).

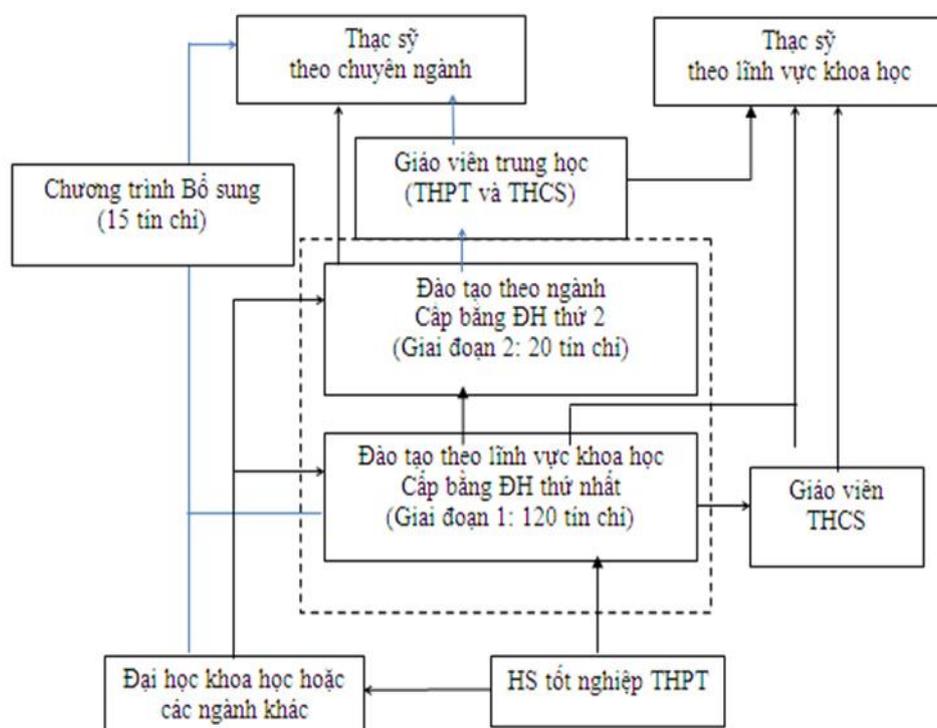
Từ những lí do trên, chúng tôi cho rằng phương án khả thi là: Đổi mới chương trình đào tạo GV để dạy nhiều môn theo lĩnh vực giáo dục.

Đào tạo kết hợp giữa mô hình song song với mô hình tiếp nối. SV sau khi trúng tuyển sẽ được đào tạo kiến thức cơ bản kết hợp với đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo hai giai đoạn

phù hợp với giáo dục phổ thông.

- Giai đoạn 1: Đào tạo GV theo lĩnh vực giáo dục, có đủ năng lực dạy các lĩnh vực giáo dục ở cấp THCS. Đó là các lĩnh vực: Toán - Tin; Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội và nhân văn; Giáo dục thể chất - Quốc phòng; Nghệ thuật... SV tích lũy đủ 120 tín chỉ sẽ được cấp bằng đại học theo lĩnh vực giáo dục.

- Giai đoạn 2: Đào tạo GV theo ngành học. Sau khi kết thúc giai đoạn 1, SV tốt nghiệp có thể đăng ký tuyển dụng thành GV THCS; nếu học tiếp ở giai đoạn 2 sẽ đào tạo theo đơn ngành, để dạy các môn học ở cấp THPT (Hình 1).



Hình 1. Mô hình tổng thể đào tạo GV trung học đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông

b) Giải thích mô hình tổng thể

- Học sinh tốt nghiệp phổ thông có nguyện vọng vào học nhóm ngành đào tạo GV sẽ đăng ký tuyển sinh theo ngành đào tạo như hiện nay. Như vậy, không thay đổi quy trình và quy chế tuyển sinh đại học.

Theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt

nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; SV vào học theo nhóm ngành (lĩnh vực giáo dục) khi tích lũy được 120 tín chỉ sẽ được xét và cấp bằng tốt nghiệp theo lĩnh vực, có đủ năng lực để dạy ở các trường THCS.

Trong CTĐT của giai đoạn này sẽ thiết kế có khối kiến thức tự chọn theo ngành để SV có thể lựa chọn cho giai đoạn 2.

- SV tốt nghiệp ở giai đoạn 1 có thể đăng ký học tiếp giai đoạn 2 để nhận bằng tốt nghiệp theo ngành đào tạo (đơn ngành). Những SV này nếu có nhu cầu học tiếp thì sẽ học thạc sỹ theo chuyên ngành.

- Nếu SV tốt nghiệp giai đoạn 1, không học tiếp giai đoạn 2 mà tham gia giảng dạy ở THCS thì sau này sẽ có 2 hướng: Một là học thạc sỹ theo lĩnh vực giáo dục; hai là học tiếp để có bằng tốt nghiệp đại học theo ngành.

Tóm lại, SV tốt nghiệp sẽ có 2 bằng đại học, 01 bằng theo lĩnh vực giáo dục và 01 bằng theo ngành; có đủ năng lực để dạy ở THPT và THCS, việc đào tạo sẽ linh hoạt và hiệu quả hơn đối với người học.

c) Mô hình đào tạo chi tiết

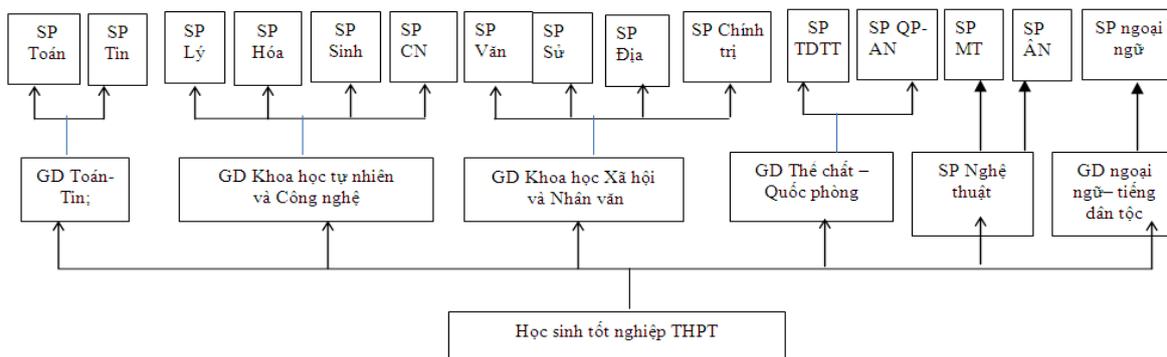
Đào tạo GV theo 2 giai đoạn (Hình 2):

Giai đoạn 1: Đào tạo theo lĩnh vực giáo dục (GV THCS). Các cơ sở đào tạo GV sẽ đào tạo

theo 7 lĩnh vực: 1) Giáo dục Toán - Tin; 2) Giáo dục Khoa học tự nhiên và công nghệ; 3) Giáo dục Khoa học xã hội và nhân văn; 4) Giáo dục Thể chất và An ninh – Quốc phòng; 5) Giáo dục nghệ thuật; 6) Giáo dục Ngoại ngữ và tiếng dân tộc;

Giai đoạn 2: Đào tạo GV theo môn học (GV THPT). Từ 7 lĩnh vực trên, giai đoạn 2 sẽ đào tạo GV theo các ngành: 1) Sư phạm Toán học; 2) Sư phạm Tin học; 3) Sư phạm Vật lý; 4) Sư phạm Hóa học; 5) Sư phạm Sinh học; 6) Sư phạm công nghệ; 7) Sư phạm Ngữ văn; 8) Sư phạm Lịch sử; 9) Sư phạm Địa lý; 10) Giáo dục công dân; 11) Sư phạm Thể dục thể thao; 12) Giáo dục an ninh quốc phòng; 13) Sư phạm Mỹ thuật; 14) Sư phạm Âm nhạc; 15) Sư phạm Ngoại ngữ.

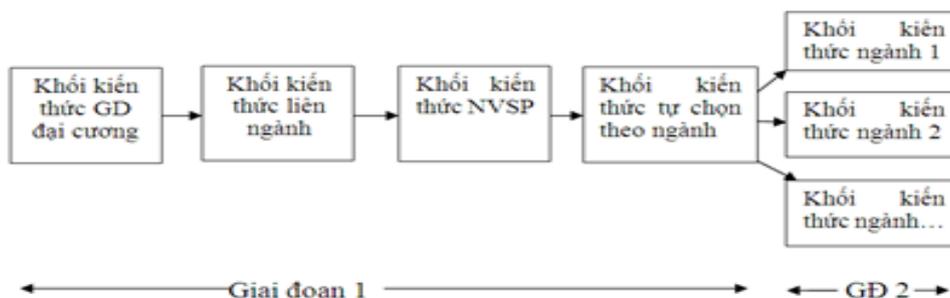
Thời gian đào tạo được xác định theo khối lượng kiến thức mà người học tích lũy được.



Hình 2. Mô hình đào tạo GV trung học theo 2 giai đoạn

d) Về cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo sẽ được thiết kế tổng thể theo các khối kiến thức (modul), tạo điều kiện cho người học dễ dàng chuyển đổi ngành học đáp ứng nhu cầu của xã hội (Hình 3).



Hình 3. Cấu trúc chương trình đào tạo GV trung học

Bảng 1. Thời lượng và tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT GV trung học (dự kiến)

Khối kiến thức	Giáo dục Đại cương	Liên ngành	Nghiệp vụ sư phạm 1	Tự chọn theo ngành	Ngành và nghiệp vụ sư phạm 2	Cộng
Số tín chỉ	24	35	26	35	20	140
Tỷ lệ %	17.1	25.0	18.6	25.0	14.3	

Khối lượng kiến thức SV cần phải tích lũy không thay đổi nhiều so với chương trình hiện hành (Bảng 1).

4. Đề xuất, kiến nghị

1. Công tác phát triển CTĐT phải thường xuyên được cập nhật, thay đổi nhằm đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của xã hội và phù hợp với bối cảnh, phù hợp với sứ mạng của Nhà trường hiện nay.

2. Phát triển CTĐT theo định hướng đáp ứng chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra chính là những yêu cầu đối với SV để có thể được cấp bằng cho chuyên ngành cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu của người sử dụng lao động.

3. Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình phát triển CTĐT. Khái niệm phát triển CTĐT xem việc xây dựng chương trình là một quá trình chứ không phải là một trạng thái hoặc một giai đoạn tách biệt của quá trình đào tạo. Do đó, để thực hiện phát triển CTĐT, phải thường xuyên lấy ý kiến thông tin phản hồi ở các khâu về CTĐT để kịp thời điều chỉnh từng khâu của quá trình xây dựng và hoàn thiện CTĐT nhằm không ngừng đáp ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo.

4. Phát triển CTĐT cần tăng cường tính mềm dẻo. Khi thực hiện phát triển CTĐT, cần phải có cái nhìn tổng thể bao quát toàn bộ quá trình đào tạo, cần lưu ý đảm bảo độ mềm dẻo cao khi xây dựng CTĐT. Tính mềm dẻo còn tạo điều kiện giúp SV có cơ hội được lựa chọn các môn học tự chọn cho phù hợp với định hướng nghề nghiệp, năng lực và sở thích của từng người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Phúc Chinh, *Phát triển chương trình và sách giáo khoa sinh học phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt, 2014.
- [2]. Đại học Thái Nguyên, *Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên (Ban hành kèm theo Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17/4/2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*, 2018.
- [3]. Phạm Thị Huyền, *Xây dựng CTĐT Đại học theo định hướng mới nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Hội thảo toàn quốc Giáo dục Đại học Việt Nam - Hội nhập Quốc tế*, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Nguồn: <http://gddhhoinhapquoc.te.nuhcm.edu.vn/site/vn/?p=962>, 2011.
- [4]. Nguyễn Thanh Sơn, *Phát triển CTĐT đại học theo định hướng đáp ứng chuẩn đầu ra*, <http://lib.vinhuni.edu.vn/DATA/62/upload/493/documents/2016/03/file5.pdf>, 2014.